

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2019/DS-PT
Ngày 26-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng;
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Kim Anh;
Bà Ngô Thị Bích Diệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2019/TLPT-DS ngày 17/4/2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2018/DSST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 165/2019/QĐPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 129/5, đường Huỳnh Văn C, khu phố 11, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Hữu Ph, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1962. Cùng địa chỉ: Số 466, Đại lộ Bình D, tổ 13, khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ: Ông Nguyễn Thiên Ph2, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 42, Đường Đ, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 22/3/2018); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ: Ông Nguyễn Thanh V – Luật sư của Công ty Luật TNHH NA thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 225/21, đường Nguyễn Đình C, Phường Z, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Th. Địa chỉ: Số 466, Đại lộ Bình D, tổ 13, khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Nguyễn Thanh Th: Ông Nguyễn Thiên Ph2, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 42 Đường Đ, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 22/3/2018); có mặt.

2. Ông Nguyễn Phúc C, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà 129/5, đường Huỳnh Văn C, khu phố 11, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Ng; bị đơn ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 01 năm 2018, trong quá trình làm việc, hòa giải nguyên đơn bà Lê Thị Ng trình bày:*

Do có quan hệ quen biết, làm ăn với nhau nên từ năm 2013 ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ có vay tiền của bà Lê Thị Ng nhưng đã thanh toán. Đến ngày 14/12/2015 ông Huỳnh Hữu Ph có vay của bà Lê Thị Ng số tiền 6.093.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 14/12/2015 do con ông Huỳnh Hữu Ph là Huỳnh Nguyễn Thanh T viết, ông Huỳnh Hữu Ph ký tên xác nhận, ông Huỳnh Hữu Ph thế chấp cho bà Lê Thị Ng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 031693 (Số vào sổ cấp GCN CH02223) do Ủy ban nhân dân huyện Huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 24/01/2014 cho ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ. Theo giấy vay tiền ngày 14/12/2015 không thể hiện lãi suất vay mà được hai bên thống nhất bằng miệng lãi suất vay là 3.5%/tháng. Từ đầu năm 2017 đến nay, bà Lê Thị Ng đã nhiều lần liên hệ với ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ để yêu cầu trả số tiền trên nhưng ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ luôn né tránh và thiếu hợp tác trong việc trả lại số tiền gốc và lãi vay của bà Lê Thị Ng.

Bà Lê Thị Ng yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ phải trả tổng số tiền tạm tính đến tháng 3/2018 là 8.286.000.000 đồng. Cụ thể: Số tiền gốc 6.093.000.000 đồng; thanh toán khoản tiền lãi quá hạn tạm tính với số tiền 2.189.670.600 đồng (trong đó: Lãi suất vay quá hạn của số tiền 3.900.000.000 đồng tính từ tháng 8/2016 đến tháng 3/2018: $1.67\% \times 19 \text{ tháng} \times 3.900.000.000 \text{ đồng} = 1.237.470.000 \text{ đồng}$; Lãi suất vay quá hạn của số tiền 2.193.000.000 đồng tính từ tháng 01/2016 đến tháng 03/2018: $1.67\% \times 26 \text{ tháng} \times 2.193.000.000 \text{ đồng} = 952.200.600 \text{ đồng}$).

Ngay khi thanh toán hết các khoản tiền nêu trên bà Lê Thị Ng sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ.

- Đối với yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ buộc bà phải trả số tiền 1.900.000.000đ theo giấy ngày 26/12/2008, bà không đồng ý vì bà đã trả từ lâu cho ông Huỳnh Hữu Ph.

- Qua bản tự khai của ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ, quá trình làm việc, hòa giải người đại diện cho bị đơn ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ là ông Nguyễn Thiên Ph2 trình bày:

Vợ chồng ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ và bà Lê Thị Ng có quan hệ làm ăn vay tiền với nhau. Ngày 26/12/2008, bà Lê Thị Ng có vay của vợ chồng ông Huỳnh Hữu Ph số tiền 1.900.000.000 đồng không có lãi suất, hai bên có lập giấy vay tiền.

Tháng 8/2014 ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ có vay của bà Lê Thị Ng số tiền 2.900.000.000 đồng, lãi suất 3.5%/tháng (tức 101.500.000 đồng/tháng), hàng tháng ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ đều trả lãi đầy đủ cho bà Lê Thị Ng.

Tháng 8/2014, ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ vay tiếp của bà Lê Thị Ng số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3.5%/tháng (tức 35.000.000 đồng/tháng), hàng tháng ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ đều trả lãi đầy đủ cho bà Lê Thị Ng.

Ngày 14/12/2015, ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ có thỏa thuận với bà Lê Thị Ng vay thêm 2.193.000.000 đồng, không lãi suất. Hai bên đã lập giấy vay tiền tổng hợp số tiền ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ vay của bà Lê Thị Ng là 6.093.000.000 đồng, đồng thời xác định ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ vẫn phải trả lãi như thỏa thuận trước đây. Riêng khoản vay ngày 14/12/2015 là không tính lãi suất vì ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ đã thế chấp cho bà Lê Thị Ng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO031693 (Số vào sổ cấp GCN CH02223) do Ủy ban nhân dân huyện Huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 24/01/2014.

Ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ vẫn trả lãi đều đặn cho bà Lê Thị Ng cho đến tháng 9/2016 với tổng số tiền như sau:

- Khoản vay: $2.900.000.000 \text{ đồng} \times 3.5\% = 101.500.000 \text{ đồng/tháng}$, đã trả 25 tháng (từ tháng 8/2014 đến tháng 09/2016): $101.500.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ tháng} = 2.537.500.000 \text{ đồng}$.

- Khoản vay: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 3.5\% = 35.000.000 \text{ đồng/tháng}$; đã trả 25 tháng (từ tháng 8/2014 đến tháng 9/2016): $35.000.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ tháng} = 875.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng tiền lãi đã trả là: $2.537.500.000 \text{ đồng} + 875.000.000 \text{ đồng} = 3.412.500.000 \text{ đồng}$.

Nay bà Lê Thị Ng yêu cầu ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ trả số tiền 8.530.200.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 6.093.000.000 đồng và tiền lãi là 2.437.200.000 đồng). Ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ đề nghị Tòa án xem xét như sau:

- Ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ đồng ý trả số tiền gốc đã vay là 6.093.000.000 đồng.

- Không đồng ý với yêu cầu tính lãi của khoản vay 2.193.000.000 đồng vì hai bên không thỏa thuận lãi suất vay.

Tính lại toàn bộ số tiền lãi của khoản vay 2.900.000.000 đồng và 1.000.000.000 đồng theo quy định pháp luật và căn trừ với số tiền lãi bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 3.412.500.000 đồng. Cụ thể:

+ Khoản vay 2.900.000.000 đồng:

Từ tháng 8/2014 đến tháng 12/2016 (1.125%/tháng – 32.625.000 đồng/tháng) – 37 tháng: 32.625.000 đồng x 28 tháng = 913.500.000 đồng.

Từ 01/2017 đến 12/2017 (1.67%/tháng – 48.430.000 đồng/tháng) – 12 tháng: 48.430.000 đồng x 12 tháng = 581.160.000 đồng.

Tổng cộng là 1.494.660.000 đồng.

+ Khoản vay 1.000.000.000 đồng:

Từ tháng 8/2014 đến tháng 12/2016 (1.125%/tháng – 11.250.000 đồng/tháng) – 28 tháng: 11.250.000 đồng x 28 tháng = 315.000.000 đồng.

Từ 01/2017 đến 12/2017 (1.67%/tháng – 16.700.000 đồng/tháng) – 12 tháng: 16.700.000 đồng x 12 tháng = 200.400.000 đồng.

Tổng cộng là 515.400.000 đồng.

Như vậy, nguyên đơn phải hoàn trả lại cho bị đơn số tiền lãi đã thanh toán dư là 3.412.500.000 đồng – 1.494.600.000 đồng – 515.400.000 đồng = 1.402.440.000 đồng, yêu cầu căn trừ vào tiền gốc mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn, yêu cầu nguyên đơn trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Huyện B theo giấy mượn ngày 03/7/2014.

Ngày 23/3/2018 và ngày 17/4/2018 ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ có đơn yêu cầu phân tố: Buộc bà Lê Thị Ng phải trả số tiền gốc bà Lê Thị Ng đã vay là 1.900.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 26/12/2008 và trả tiền lãi suất, cụ thể:

- Tiền lãi từ tháng 01/2009 đến tháng 12/2016 (96 tháng) theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng 9%/năm – 0.75%/tháng là 1.368.000.000 đồng.

- Tiền lãi từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2018 (15 tháng) theo quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 10%/năm – 0.83%/tháng với số tiền là 268.090.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi suất yêu cầu là 1.636.090.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi suất yêu cầu bà Lê Thị Ng trả là 3.536.090.000đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phúc C:* Thống nhất với ý kiến của bà Lê Thị Ng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Nguyễn Thanh Th do ông Nguyễn Thiên Ph2 đại diện:* Thống nhất ý kiến của bà Nguyễn Thị Anh Đ, ông Huỳnh Hữu Ph.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2018/DSST ngày 09/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố T đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng đối với ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Ng số tiền nợ gốc là 5.430.362.500đ (3.237.362.500đ + 2.193.000.000đ) và số tiền lãi suất tính trên số tiền 2.193.000.000đ (từ ngày 14/12/2015 đến 09/11/2018) là 573.469.500đ.

Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 6.003.832.000đ (sáu tỷ không trăm lẻ ba triệu tám trăm ba mươi hai ngàn đồng)

- Bà Lê Thị Ng có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO031693, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02223 do Ủy ban nhân dân huyện Huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng đối với ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ về việc trả số tiền 2.479.147.000đ (hai tỷ bốn trăm bảy mươi chín triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

3/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ đối với bà Lê Thị Ng về việc buộc bà Lê Thị Ng trả số tiền gốc 1.900.000.000đ theo giấy nhận tiền ngày 26/12/2008 và yêu cầu tính lãi suất là 1.688.150.000đ. Tổng số tiền là 3.588.150.000đ (ba tỷ năm trăm tám mươi tám triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 21/11/2018, nguyên đơn bà Lê Thị Ng kháng cáo với nội dung không đồng với việc căn trừ số tiền lãi ông Huỳnh Hữu Ph đã trả vì bà Lê Thị Ng cho rằng số tiền lãi ông Huỳnh Hữu Ph đã trả là của những khoản vay khác, còn khoản vay ngày 14/12/2015 là một khoản vay độc lập. Đối với khoản vay này ông Huỳnh Hữu Ph chưa trả lãi và gốc; đồng thời yêu cầu tính lãi suất của khoản vay trên đến ngày xét xử phúc thẩm.

- Ngày 14/11/2018, bị đơn ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu trừ tiền lãi đã trả dư vào tiền nợ gốc vào thời điểm trả lãi và đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Huỳnh Hữu Ph có trả lãi cho khoản vay 1.000.000.000 đồng vào ngày 13/11/2013 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là thiếu sót. Đồng thời, tại

phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp chứng cứ thể hiện vào ngày 03 và 13/8/2016 bà Lê Thị Ng có nhận của ông Huỳnh Hữu Ph 101.500.000 đồng, 35.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Ngoài ra, đề nghị áp dụng Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 để trừ số tiền bị đơn trả lãi dư vào thời điểm trả lãi đồng thời đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn vì không có lý do gì mà bà Lê Thị Ng trả tiền rồi mà không nhận lại giấy vay.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn bà Lê Thị Ng kháng cáo cho rằng khoản vay 6.093.000.000 đồng là một khoản vay độc lập không bao gồm khoản vay 1.000.000.000 đồng và 2.900.000.000 đồng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh. Bị đơn ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ kháng cáo đề nghị trừ số tiền trả lãi dư vào thời điểm trả lãi và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ. Do đó, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Phúc C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Tòa án căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 14/12/2015, bà Lê Thị Ng và ông Huỳnh Hữu Ph có ký với nhau 01 giấy vay tiền với nội dung: “*Hôm nay, 14/12/2015. Tôi tên Huỳnh Hữu Ph, ngụ tại 466 ĐLBD, có mượn số tiền 6.093.000.000 (sáu tỷ không trăm chín mươi ba triệu đồng chẵn) của cô Lê Thị Ng. Trong đó, phần 1.000.000.000 và 2.900.000.000 tôi sẽ trả lãi mỗi tháng cho tới khi tất toán hết số tiền. Và tôi có nhận lại từ cô Lê Thị Ng 01 cuốn sổ An Phú mà cô Lê Thị Ng đã mượn trước đó. Và cô Lê Thị Ng còn giữ của tôi 01 cuốn sổ Huyện B, Tây Ninh. Khi nào, anh Ph trả hết tiền thì Ng phải trả cho anh Ph 01 cuốn sổ Huyện B.*”.

[3] Căn cứ vào giấy vay tiền này, bà Lê Thị Ng khởi kiện ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ phải trả lại số tiền gốc và tính lãi suất của khoản tiền trên theo quy định.

[4] Bị đơn ông Huỳnh Hữu Ph cho rằng: Tháng 8/2014 ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ có vay của bà Lê Thị Ng số tiền 2.900.000.000 đồng, lãi suất 3.5%/tháng (Tức 101.500.000 đồng/tháng), hàng tháng ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ đều trả lãi đầy đủ cho bà Lê Thị Ng; tháng 8/2014, ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ vay tiếp của bà Lê Thị Ng số tiền

1.000.000.000 đồng, lãi suất 3.5%/tháng (Tức 35.000.000 đồng/tháng), hàng tháng ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ đều trả lãi đầy đủ cho bà Lê Thị Ng; ngày 14/12/2015, ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ có thỏa thuận với bà Lê Thị Ng vay thêm 2.193.000.000 đồng, không lãi suất. Hai bên đã lập giấy vay tiền tổng hợp số tiền ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ vay của bà Lê Thị Ng là 6.093.000.000 đồng, đồng thời xác định ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ vẫn phải trả lãi như thỏa thuận trước đây. Riêng khoản vay ngày 14/12/2015 là không tính lãi suất vì ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ đã thế chấp cho bà Lê Thị Ng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO031693 (Số vào sổ cấp GCN CH02223) do Ủy ban nhân dân huyện Huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 24/01/2014. Để chứng minh ý kiến trên, ông Huỳnh Hữu Ph cung cấp cho Tòa án các biên nhận thể hiện việc trả lãi cho khoản vay 1.000.000.000 đồng (Tức 35.000.000 đồng) vào các ngày như sau: 01/8/2014, 01/9/2014, 01/10/2014, 09/12/2014, 05/01/2015, 02/02/2015, 03/3/2015, 03/4/2015, 03/6/2015, 03/7/2015, 03/8/2015, 03/9/2015, 03/10/2015, 03/11/2015, 03/12/2015, 31/12/2015, 03/02 (Không rõ năm), 05/4/2016, 03/5/2016, 03/6/2016, 03/7/2016 và thể hiện việc trả lãi cho khoản vay 2.900.000.000 đồng (Tức 101.500.000 đồng) vào các ngày: 13/11/2013, 13/8/2014 (Biên nhận này chỉ có 100.000.000 đồng), 13/9/2014, 13/10/2014, 15/11/2014, 13/01/2015, 14/02/2015, 13/3/2015, 13/4/2015, 16/6/2015, 13/7/2015, 13/8/2015, 13/9/2015, 10/10/2015, 14/12/2015, 13/01/2016, 15/02/2016, 13/03/2016, 13/4/2016, 13/5/2016, 13/7/2016. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng, ông Huỳnh Hữu Ph đồng ý trả số tiền gốc đã vay 6.093.000.000 đồng và yêu cầu căn trừ số tiền lãi đã trả. Đồng thời, ông Huỳnh Hữu Ph có đơn phản tố yêu cầu bà Lê Thị Ng phải trả số tiền 1.900.000.000 đồng mà bà Lê Thị Ng đã vay ngày 26/12/2008 và tiền lãi của số tiền trên theo quy định.

[5] Xét thấy, căn cứ giấy vay tiền ngày 14/12/2015: “*Hôm nay, 14/12/2015. Tôi tên Huỳnh Hữu Ph, ngụ tại 466 ĐLBD, có mượn số tiền 6.093.000.000 (sáu tỷ không trăm chín mươi ba triệu đồng chẵn) của cô Lê Thị Ng. Trong đó, phần 1.000.000.000 và 2.900.000.000 tôi sẽ trả lãi mỗi tháng cho tới khi tất toán hết số tiền*” và lời khai của bà Lê Thị Ng tại bản tự khai ngày 15/5/2018 (Bl 25): “*giấy vay tiền ngày 14/12/2015 của vợ chồng ông Huỳnh Hữu Ph vay tôi là số tiền tổng kết toàn bộ số khoản vay của 02 bên tại các năm trước đó*” có căn cứ khẳng định khoản vay 6.093.000.000 đồng bao gồm khoản vay 2.900.000.000 đồng và 1.000.000.000 đồng mà ông Huỳnh Hữu Ph đã vay bà Lê Thị Ng trước đó (Theo lời khai của ông Huỳnh Hữu Ph là vào tháng 8/2014). Bà Lê Thị Ng cho rằng khoản vay 6.093.000.000 đồng là 01 khoản vay độc lập và các biên nhận về việc trả lãi của ông Huỳnh Hữu Ph là trả cho khoản vay 1.000.000.000 đồng và 2.900.000.000 đồng độc lập và các khoản vay này đã được tất toán nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Ng trình bày là không nhớ 02 khoản vay trên được tất toán khi nào nên ý kiến của bà Lê Thị Ng là không có căn cứ.

[6] Tuy nhiên, xét các biên nhận tiền lãi của ông Huỳnh Hữu Ph giao nộp cho Tòa án đối với khoản vay 2.900.000.000 đồng (tức 101.500.000 đồng) và 1.000.000.000 đồng (tức 35.000.000 đồng) thấy rằng: Ông Huỳnh Hữu Ph cho rằng các khoản vay trên được xác lập vào tháng 8/2014 nhưng ông Huỳnh Hữu Ph lại cung cấp biên nhận tiền lãi đối với số tiền 2.900.000.000 đồng vào các ngày 13/11/2013 (*trước thời điểm cho vay*), 13/8/2014 (*Chưa đến hạn trả lãi và chỉ trả có 100.000.000 đồng*) và biên nhận tiền lãi đối với số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 01/8/2014 (*Chưa đến hạn trả lãi*) nên các biên nhận tiền lãi này của ông Huỳnh Hữu Ph là không phù hợp nên không được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị đơn ông Huỳnh Hữu Ph trả tiền lãi vào ngày 01/8/2014 đối với số tiền 1.000.000.000 đồng và ngày 13/8/2014 đối với số tiền 2.900.000.000 đồng là không phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bị đơn ông Huỳnh Hữu Ph là ông Nguyễn Thiên Ph2 cung cấp 02 biên nhận thể hiện: Ngày 13/8/2016 nhận 101.500.000 đồng, 03/8/2016 nhận 35.000.000 đồng và cho rằng đây là số tiền trả lãi cho khoản vay 2.900.000.000 đồng và 1.000.000.000 đồng, tuy nhiên 02 biên nhận này không thể hiện số tiền 101.500.000 đồng và 35.000.000 đồng này có phải là tiền trả lãi hay không hay là một khoản vay khác nên ý kiến của người đại diện bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Như vậy, theo các biên nhận mà bị đơn cung cấp thể hiện tổng số tiền lãi suất bị đơn trả cho 02 khoản vay 1.000.000.000 đồng và 2.900.000.000 đồng từ ngày 01/9/2014 đến ngày 13/7/2016 là: 2.765.000.000 đồng.

[7] Xét việc vay tiền giữa các bên xác lập trước thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, việc thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng là không phù hợp nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết. Căn cứ theo quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, theo Quyết định số 2868/2010/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước thì mức lãi suất cơ bản là 09%/năm (Tương ứng 0,75%/tháng), như vậy thỏa thuận lãi suất của các đương sự không được vượt quá 1,125%/tháng ($0,75\% \times 150\%$). Do đó, mức lãi suất theo quy định của pháp luật được tính cụ thể như sau: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 57 \text{ tháng}$ 26 ngày (từ 01/9/2014 đến ngày 26/6/2019) = 651.000.000 đồng; số tiền $2.900.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 57 \text{ tháng}$ 13 ngày (từ ngày 13/9/2014 đến 26/6/2019) = 1.873.762.500 đồng. Tổng số tiền lãi suất theo quy định là 2.524.762.500 đồng. Tiền lãi suất cho 02 khoản vay này bà Lê Thị Ng đã nhận của ông Huỳnh Hữu Ph là 2.765.000.000 đồng. Như vậy, khoản tiền lãi trả vượt là: $2.765.000.000 \text{ đồng} - 2.524.762.500 \text{ đồng} = 240.237.500 \text{ đồng}$, số tiền này sẽ được trừ vào số tiền gốc 3.900.000.000 đồng (1.000.000.000 đồng và 2.900.000.000 đồng vay tháng 8/2014). Số tiền gốc bị đơn còn phải trả sau khi trừ đi khoản lãi trả vượt là 3.659.762.500 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị áp dụng Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 để trừ số tiền trả lãi vượt quá mức lãi suất vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi là không phù hợp bởi lẽ: Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019 còn giao dịch giữa ông

Huỳnh Hữu Ph, bà Lê Thị Ng xác lập vào năm 2014 nên phải áp dụng quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về lãi theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ để giải quyết.

[8] Đối với khoản tiền gốc còn lại trong giấy vay ngày 14/12/2015 2.193.000.000 đồng, bị đơn cho rằng vay ngày 14/12/2015 do không thỏa thuận lãi suất nên không đồng ý trả lãi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, qua các tài liệu chứng cứ các bên xuất trình và lời trình bày của các bên có mâu thuẫn nhau, do đó được xác định là có tranh chấp về lãi suất và căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố (09%/năm, tương đương 0,75%/tháng) tương ứng với thời hạn vay từ ngày 14/12/2015 đến thời điểm hiện nay là ngày 26/6/2019 và bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn. Cụ thể mức lãi suất ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ phải trả cho bà Lê Thị Ng đối với số tiền này là $2.193.000.000đ \times 09\%/năm \times 03 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 690.795.000 \text{ đồng}$.

[9] Như vậy số tiền gốc ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ còn phải trả cho bà Lê Thị Ng là 3.659.762.500 đồng + 2.193.000.000 đồng = 5.852.762.500 đồng và số tiền lãi suất phải trả trên số tiền 2.193.000.000 đồng là 690.795.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 6.543.557.500 đồng.

[10] Đối với yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Hữu Ph buộc bà Lê Thị Ng phải trả số tiền 1.900.000.000 đồng mà bà Lê Thị Ng đã vay ngày 26/12/2008 thấy rằng: Theo đơn phản tố, ông Huỳnh Hữu Ph cho rằng ông cho bà Lê Thị Ng vay không lãi suất. Việc ông Huỳnh Hữu Ph cho bà Lê Thị Ng vay 1.900.000.000 đồng không lãi suất, bà Lê Thị Ng không trả mà ông Huỳnh Hữu Ph vay của bà Lê Thị Ng phải trả lãi 3,5%/tháng và còn phải thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi giữa ông Huỳnh Hữu Ph và bà Lê Thị Ng không có mối quan hệ bà con, họ hàng thân thích, hơn nữa trong suốt thời gian 10 năm, bà Lê Thị Ng không trả tiền mà ông Huỳnh Hữu Ph cũng không có động thái đòi bà Lê Thị Ng trả tiền hay yêu cầu bà Lê Thị Ng cản trở vào các khoản vay khác là mâu thuẫn và không phù hợp với thực tế khách quan. Do đó, ý kiến bà Lê Thị Ng cho rằng đã trả khoản tiền này cho ông Huỳnh Hữu Ph là có cơ sở. Yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Hữu Ph là không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông Huỳnh Hữu Ph là phù hợp.

[11] Kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Ng là có cơ sở chấp nhận một phần; kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ là không có cơ sở chấp nhận.

[12] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không phù hợp.

[13] Ý kiến đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp một phần.

[14] Án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo nguyên đơn bà Lê Thị Ng; bị đơn ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Ng; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2018/DSST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng đối với ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Ng số tiền nợ gốc là 5.852.762.500 đồng (Năm tỷ tám trăm năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) và số tiền lãi suất tính trên số tiền 2.193.000.000 đồng (từ ngày 14/12/2015 đến 26/6/2019) là 690.795.000 đồng (Sáu trăm chín mươi triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 6.543.557.500 đồng (Sáu tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Bà Lê Thị Ng có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO031693, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02223 do Ủy ban nhân dân huyện Huyện B, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ.

2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng đối với ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ về việc trả số tiền 1.742.442.500 đồng (Một tỷ bảy trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng).

2.3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ đối với bà Lê Thị Ng về việc buộc bà Lê Thị Ng trả số tiền gốc 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng) theo giấy nhận tiền ngày 26/12/2008 và yêu cầu tính lãi suất là 1.688.150.000 đồng (Một tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền là 3.588.150.000 đồng (Ba tỷ năm trăm tám mươi tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Ng phải nộp số tiền 64.273.275 đồng (Sáu mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 58.265.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0021585 ngày 06/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Bà Lê Thị Ng còn phải nộp 6.008.275 đồng (Sáu triệu không trăm không tám nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng).

- Ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ có trách nhiệm liên đới nộp số tiền án phí sơ thẩm là 218.306.558 đồng (Hai trăm mười tám triệu ba trăm lẻ sáu nghìn năm trăm năm mươi tám đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 79.092.400 đồng theo các Biên lai số 0021775 ngày 02/4/2018 và 0021896 ngày 19/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Ông Huỳnh Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Anh Đ còn phải nộp 139.214.157 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu hai trăm mười bốn triệu một trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Ng; bị đơn ông Huỳnh Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Anh Đ mỗi người số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0022954 ngày 22/11/2018 và số 0022942 ngày 20/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trung Dũng